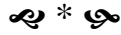




**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Số 244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Tp.Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2019

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Lĩnh vực hoạt động
- 3 Lịch sử hình thành và phát triển
- 4 Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu
- 5 Sơ đồ tổ chức
- 6 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 7 Rủi ro trong hoạt động kinh doanh



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 8 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 9 Tổ chức nhân sự
- 10 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 11 Tình hình tài chính
- 12 Thông tin cổ đông

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 13 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 14 Tình hình tài chính
- 15 Những tiến bộ trong năm 2018
- 16 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
- 17 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 18 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 19 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
- 20 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 21 Hội đồng quản trị
- 22 Ban kiểm soát
- 23 Thù lao, lợi ích và các giao dịch của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban kiểm soát.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
Năm 2018

I/ THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
Tên viết tắt:	SEAMECO
Tên Tiếng Anh:	Seaproducts Mechanical Shareholding Company
Giấy chứng nhận ĐKKD số:	0302166033 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 12/02/2007.
Vốn điều lệ:	42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng)
Logo:	
Địa chỉ:	244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM
Số điện thoại:	(84-028) 3 8 729 751
Số fax:	(84-028) 3 8 729 749
Website:	http://www.seameco.com.vn
Email:	seameco@seameco.com.vn
Mã cổ phiếu:	SCO

*** Quá trình hình thành và phát triển :**



Năm 1985	Ngày 05/11/1987, chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.	Năm 2007	Công ty chuyển thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.
1990	Ứng dụng công nghệ đóng tàu bằng vật liệu composite vào sản xuất.	2008	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 22 tỷ tăng lên 33 tỷ đồng.
1992	Khởi công xây dựng khu vực sản xuất tại Q7 – Tp.HCM.	2009	Công ty CP Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 33 tỷ tăng lên 42 tỷ đồng.
1993	Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Cty Cơ khí Thủy sản III.	2010	Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2008.
1997	Đưa cầu cảng C1 vào hoạt động.	2011	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 30 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1 sang 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão,

			Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
2000	Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.	2012-2013	Công ty tập trung sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy nhân sự.
2001	Nghiên cứu và chế tạo thành công khuôn thép tháo rời cho đóng tàu composite.	2014	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1 sang địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
2002	Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản	2015	Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính Phủ đã tạo những cơ hội mới cho Công ty. Lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền chủ lực của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Công ty đã ký được 11 hợp đồng đóng mới trong đó có 10 hợp đồng kinh tế với ngư dân.
2003	Hạ thủy tàu đánh bắt xa bờ dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam.	2016	Là năm thành công của Công ty về ngành công nghiệp đóng tàu so với 10 năm trước. Trong năm Công ty đã bàn giao hạ thủy 18 tàu cá cho ngư dân, trong đó có 01 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá.
2005		2017	Công ty tiếp tục thực hiện mới đóng tàu theo chương trình Nghị định 67/2017/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ. Đóng mới bàn giao hạ thủy 05 chiếc tàu vỏ sắt, trong đó 04 chiếc tàu đánh cá của ngư dân theo NĐ 67/NĐ-CP.
2006	Hạ thủy tàu y tế dài 30m, con tàu dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam; đưa cầu cảng C2 vào hoạt động.	2018	Năm 2018, hoạt động đóng tàu gần như dừng hẳn vì chương trình đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ được thay thế bằng Nghị định 17/NĐ-CP ngày 02/02/2018, với các nội dung và cách thức làm mới chưa phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính.

- Đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm composite;
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi; Kinh doanh dịch vụ cầu cảng;

2.2 Địa bàn kinh doanh.

- Địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: 028.38729751 - 028.38752422 Fax: 028.38729749

SẢN PHẨM ĐÓNG TÀU



Tàu tuần tra, kiểm ngư



Tàu du lịch, tàu khách



Tàu vỏ thép

SẢN PHẨM MÁY MÓC



Máy xăng



Máy cắt cỏ



Máy bơm nước



Máy phát điện



Đầu nén



Máy phun thuốc

SẢN PHẨM COMPOSITE



Thùng rác



Xuồng máy



Cano Composite cao tốc

MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁC



Dịch vụ cầu cảng



Dịch vụ kho bãi



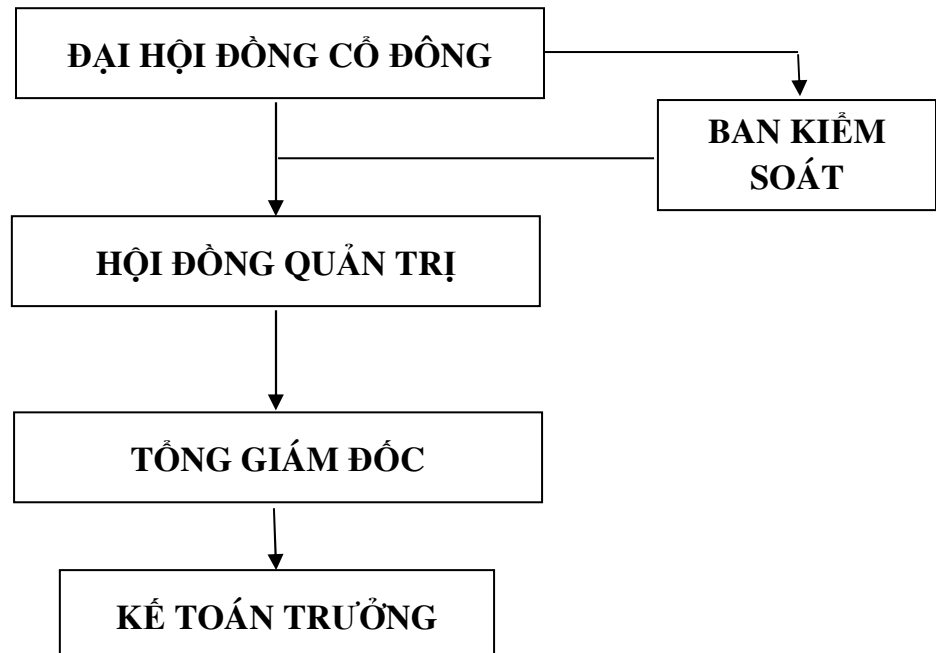
Dịch vụ lên xuống xà lan



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

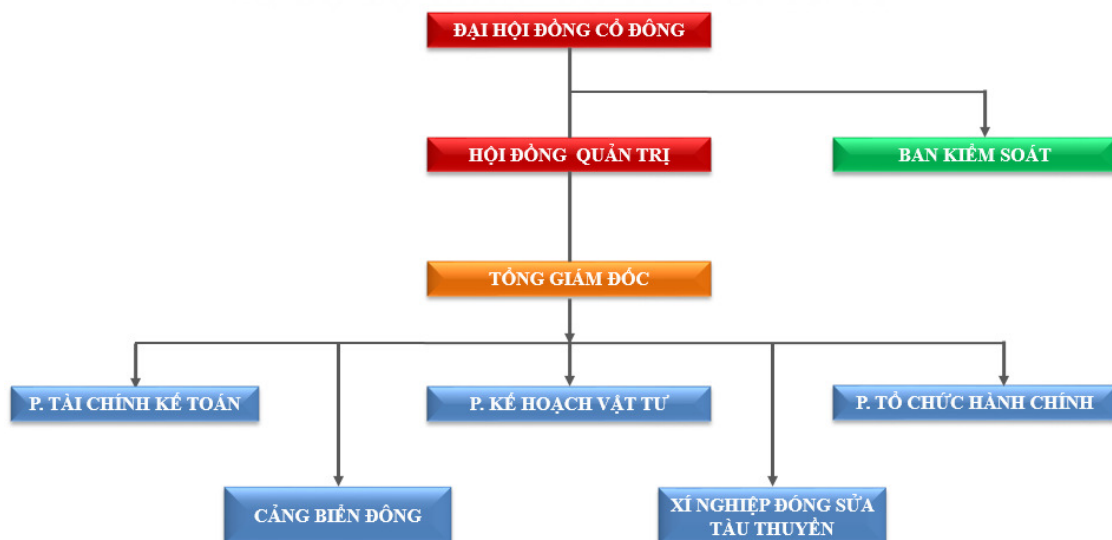
3.1 Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 03 thành viên. Hội đồng quản trị công ty gồm 05 người, trong đó có 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Ban lãnh đạo công ty gồm: 01 Tổng giám đốc và 01 Kế Toán trưởng.



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



+ Xí nghiệp đóng sửa tàu thuyền: đóng mới và sửa chữa các loại tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, cano, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.

+ Cảng Biển Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu, Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn có hiệu quả ; tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với nhà nước và xã hội, cụ thể:

- Duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống tài chính nhân sự.

- Nâng cao năng lực sản xuất bao gồm vấn đề cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.

- Phát triển theo tiêu chí tăng trưởng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính.

- Tìm kiếm đối tác, mở rộng thị phần Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung hoạt động vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Công ty như đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ kho bãi, xếp dỡ hàng hóa qua cảng.

- Tiếp tục bán, thanh lý tài sản không cần thiết để trả nợ.

- Làm việc với Ngân hàng để tái cơ cấu lại nợ.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Hoạt động của công ty phải phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường, đảm bảo CB-CNV làm việc trong môi trường tốt nhất.

- Tạo công việc làm ổn định, đảm bảo lương tối thiểu cho CB-CNV, thực hiện đầy đủ các chế độ lao động cho người lao động.

5. Các rủi ro.

- Rủi ro lãi suất: Công ty hiện đang có tỷ trọng nợ cao so với vốn chủ sở hữu. Do đó biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.

- Rủi ro đặc thù: Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thuyền. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng.

- Rủi ro tín dụng: Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty cổ phần Aquafeed Cửu Long, Công ty cổ phần Biển Tây,... Các đối tác hiện đang gặp khó khăn về tài chính, mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, Công ty đang gặp rủi ro tồn thất tài chính. Hiện nay, Công ty đã trích lập hầu hết các khoản dự phòng công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các khoản nợ trên.

- Rủi ro khác: Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và trên thế giới làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1 Những thuận lợi, khó khăn.

a) Thuận lợi: Công ty hoạt động trong Ngành thủy sản về lĩnh vực cơ khí tàu thuyền gần 30 năm qua, đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn, đóng mới và sửa chữa các mẫu tàu cá, sà lan, tàu công tác các loại, ...

Với mặt bằng sẵn có, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng, ... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

Trong năm, Công ty nhận được sự hỗ trợ từ chính sách giảm lãi vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho các doanh nghiệp vay nợ (năm 2012 – 2018).

Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

b) Khó khăn: Tuy có những thuận lợi nêu trên, nhưng Công ty cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

- Nguyên nhân chủ quan: Việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm do chưa dự báo hết tình hình khó khăn trong lĩnh vực cơ khí đóng mới, sửa chữa tàu và sà lan, bên cạnh đó còn bị hạn chế do cầu cảng đang bị ngưng hoạt động. Tình hình sản xuất trong thời gian này chủ yếu thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Về cơ khí đóng tàu: Tình hình đóng mới, sửa chữa tàu và sà lan hiện đang trong giai đoạn suy thoái và bị cạnh tranh mạnh của các đơn vị cùng ngành.

+ Chương trình đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ được thay thế bằng nghị định mới với các nội dung không phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.

+ Về dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, bãi: Duy trì thực hiện các hợp đồng từ năm trước, giá cho thuê tuy có điều chỉnh nhưng không tăng nhiều do nhiều nguyên nhân từ cạnh tranh về giá trên thị trường và khó khăn của các đơn vị, cá nhân đang ký hợp đồng thuê với Công ty, địa lý khu vực bị ảnh hưởng bởi tải trọng của Cầu Trắng, ... nên doanh thu lĩnh vực này chỉ tăng nhẹ so với năm trước. Các kho của Công ty được xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, hiện nay xuống cấp đặc biệt là phân mái bị mục và dột nước, cần được sửa chữa, thay mới.

+ Về khai thác dịch vụ cầu cảng: Từ ngày 15/8/2017 cầu cảng đã được Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Toàn cầu thuê để khai thác. Hiện nay kết cấu cầu cảng cũng bị xuống cấp, vùng nước trước bến nhiều năm không nạo vét nay bồi lấp nhiều. Trong năm 2018, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Toàn Cầu hầu như không khai thác làm hàng, không có chi phí để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu cảng. Đến ngày 30/6/2018 cầu cảng đã bị ngưng khai thác.

- Về tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của chủ đầu tư.

Các chỉ số tài chính yếu kém do hậu quả công nợ cũ để lại là một trở ngại lớn cho Công ty tiếp xúc với nhà đầu tư và các tổ chức ngân hàng cung cấp tín dụng.

- Về nhân sự: Giữa năm Công ty có sự biến động về nhân sự, đặc biệt trong Quý II có sự thay đổi liên tục về nhân sự Người quản lý công ty – chức danh Tổng giám đốc.

1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	So sánh %	
						TH18/ TH17	TH18/ KH18
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/1)	(5=3/2)
I	SẢN XUẤT						
1	Đóng mới	chiếc	5	3	0		
	- Đóng tàu vỏ thép	chiếc	5	2			
	- Đóng tàu vỏ composite	chiếc		1			
2	Sửa chữa, gia công cơ khí, dịch vụ lên xuống triền				35		
II	TỔNG DOANH THU (1+...+3)	Tỷ đồng	99.702	43.290	17.997	18%	42%
1	Doanh thu đóng tàu, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triền	Tỷ đồng	87.5	32.500	6.730	7.7%	21%
2	Doanh thu kinh doanh	Tỷ đồng	9.954	9.94	10.305	104%	104%
2.1	<i>Doanh thu KDDV cầu cảng (thuê cầu cảng ...)</i>	"	1.359	1.44	1.440	106%	100%
2.2	<i>Doanh thu KDDV thuê kho bãi...</i>	"	8.595	8.50	8.865	103%	104%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	0.728	0.55	0.962	132%	175%
III	TỔNG CHI PHÍ (1+...+7)	Tỷ đồng	105.029	49.97	27.678	26%	55%
1	Giá vốn	Tỷ đồng	84.59	32.62	11.448	14%	35%
	<i>Trong đó: chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	Tỷ đồng			3.119		
2	Chi phí lương	Tỷ đồng	8.461	6.859	5.756	68%	84%
	+ Lương trực tiếp	"	4.318	3.965	3.136	73%	79%
	+ Lương gián tiếp	"	3.855	2.606	2.341	61%	90%
	+ Thù lao HĐQT, BKS	"	0.288	0.288	0.279		
3	CP nộp BHXH, YT, TN, KPCĐ	"	1.264	0.941	1.080	85%	115%
4	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0.41	0.400	0.418	102%	105%
5	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1.787	0.940	1.797	101%	192%
6	Chi phí khác	Tỷ đồng	0.02	0.020	0.001		
7	Chi phí tài chính (CP lãi vay)	Tỷ đồng	8.499	8.2	7.178	84%	88%
IV	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, được xác định trong các trường hợp sau:						

1	Trường hợp có tính chi phí lãi vay	Tỷ đồng	(5.327)	(6.68)	(9.681)		
2	Trường hợp không tính chi phí lãi vay và trích lập chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Tỷ đồng	3.172	1.52	0.616		
V	Thu nhập khác	Tỷ đồng			20.511		
1	Thu nhập do Ngân hàng bán phát mãi tài sản đất Long điền để cản trừ nợ vay	Tỷ đồng			4.343		
2	Thu nhập từ chính sách miễn giảm chi phí lãi vay của Ngân hàng NN&PTNT (2012-2018)	Tỷ đồng			15.812		
3	Thu nhập khác (hoàn nhập DPBH tàu cá, thanh lý, phế liệu, ...)	Tỷ đồng	1.52	0.30	0.356		119%
	<i>Trong đó: hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm đóng tàu năm 2017</i>	Tỷ đồng	1.518		0.348		
VI	Chi phí khác (phạt chậm nộp thuế ...)	Tỷ đồng			0.001		
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(5.327)	(6.68)	10.829		
VIII	Chi phí Thuế TNDN hiện hành (<i>nộp tiền thuế TNDN do bán Trạm DVBH Cà mau năm 2015</i>)	Tỷ đồng			0.248		
IX	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			10.581		

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1 Danh sách Ban điều hành.

2.1.1 Tổng giám đốc: Năm 2018, có sự thay đổi liên tục về nhân sự quản lý, như sau:

a) Ông MAI XUÂN PHONG - Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc. Thời gian điều hành Công ty từ ngày 16/5/2017 đến ngày 20/4/2018 (theo Quyết định miễn nhiệm chức danh TGD số 136/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 20/4/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, để bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT Công ty theo Quyết định số 137/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 20/4/2018).

- Năm sinh: 07/12/1973 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy sản, Thạc sĩ hành chính công
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
- Quá trình công tác:
 - + Từ 09/1996: Nghiên cứu viên của viện Nghiên cứu Kinh tế Quy hoạch Thủy sản.
 - + Từ T.12/1997- T.8/2017: Chuyên viên Vụ TCCB, ủy viên Thường trực, Thư ký Ban chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Thủy sản.
 - + Từ T.8/2007 – T.3/2008: Chuyên viên Ban đổi mới và Quản lý doanh nghiệp. Chuyên viên Vụ TCCB thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
 - + Từ T.4/2008 – T.9/2011: Chuyên viên Ban TCCB, thành viên Ban kiểm soát thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
 - + Từ T.10/2011 đến nay: Trưởng văn phòng Đại diện tại Hà Nội kiêm trợ lý Tổng giám đốc thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam đến nay.
 - + Từ ngày 16/5/2017 đến ngày 20/4/2018: Tổng giám đốc Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

b) Ông Đỗ Trung Chuyên – Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc. Thời gian điều hành Công ty từ ngày 20/4/2018 đến ngày 15/7/2018 (theo Quyết định bổ nhiệm số 138/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 20/4/2018 và Quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc số 190/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 09/7/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty)

- Năm sinh: 16/6/1981 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Văn hóa – Du lịch
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
- Quá trình công tác:
 - + Từ 04/2004: Chuyên viên Phòng du lịch Công ty Du lịch và Dịch vụ tổng hợp Seaprodex.
 - + Từ T.1/2011: Chuyên viên thuộc Trung tâm XKLD – Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV.
 - + Từ T.7/2011: Phụ trách Xuất khẩu lao động thuộc Phòng Tổ chức Hành chính – Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV.

- + Từ T.5/2012: Trưởng bộ phận Xuất khẩu lao động thuộc Phòng Tổ chức Hành chính – Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV.
- + Từ T.5/2015 đến nay là Phó giám đốc Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng – Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.
- + Là thành viên HĐQT Công ty CP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc.
- + Từ ngày 20/4/2018 đến ngày 15/7/2018: Tổng giám đốc Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

c) Ông TRƯƠNG TÙNG HÙNG – Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc. Thời gian điều hành Công ty từ ngày 15/7/2018 đến nay theo Quyết định bổ nhiệm số 191/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 09/7/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty)

- Năm sinh: 04/08/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.
- Số cổ phần nắm giữ 16.000
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.39%
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1997 – năm 1999: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển HyunDai – Vinashin.
 - + Năm 1999 – năm 2001: NV KD Trung tâm Máy Cty Cơ khí Thủy Sản 3.
 - + Năm 2001 – năm 2004: NV Phòng Kế hoạch Cty Cơ khí Thủy Sản 3.
 - + Năm 2004 – năm 2006: NV kỹ thuật Xưởng cơ khí Cty CN Thủy Sản.
 - + Năm 2006 – năm 2007: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Cty CN Thủy Sản.
 - + Năm 2007– năm 2008: Phó Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy Sản.
 - + Năm 2008– năm 2009: Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy sản.
 - + Năm 2009 – tháng 05/2012: Phó Tổng Giám đốc Cty CP CN Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
 - + Tháng 05/2012 – tháng 5/2014: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
 - + Từ tháng 06/2014 đến ngày 14/7/2018 : Phó Tổng Giám đốc Công ty;
 - + Từ ngày 15/7/2018 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

2.1.2 Kế toán trưởng.

Bà Hoàng Thị Tú - thời gian điều hành KTT Công ty từ ngày 01/9/2017 theo Quyết định số 217/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 23/8/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty đến nay.

- Năm sinh : 15/5/1983
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết: 0%
- Quá trình công tác :
 - + Năm 2005– năm 2008: phó phòng TCKT Công ty Đầu tư Xây dựng An Thịnh Vinatex.
 - + Năm 2009 – năm 2010: kế toán trưởng Công ty TNHH Tư vấn Hằng Sinh
 - + Năm 2016 – T.6/2017: kế toán trưởng Chi nhánh Sea Lâm Đồng thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.
 - + Từ T.6/2017 đến T/9/2017: Phó phòng TCKT Công ty CP Công nghiệp thủy sản
 - + Từ tháng T9/2017 – đến nay: Kế Toán trưởng - Công ty CP CN thủy sản.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Năm 2018, có sự thay đổi liên tục về nhân sự quản lý, như sau:

STT	Chức vụ	Nội dung
1	Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Ông MAI XUÂN PHONG - Thành viên HĐQT, thôi giữ chức TGD Công ty từ ngày 20/4/2018 theo Quyết định số 136/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 20/4/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. - Ông ĐỖ TRUNG CHUYÊN - Thành viên HĐQT, thôi giữ chức TGD Công ty từ ngày 15/7/2018 theo Quyết định số 190/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 09/7/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. - Ông TRƯƠNG TÙNG HÙNG - Thành viên HĐQT, giữ chức TGD Công ty từ ngày 15/7/2018 theo Quyết định số 191/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 09/7/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2018:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Thu nhập người lao động		
		Năm	Đơn vị	Thu nhập bình quân
1. Ban Tổng Giám Đốc	01	2018	Đồng/người/tháng	7.500.000
2. Phòng Tài chính Kế toán	04			
3. Phòng Tổ chức hành chính	15	Phân loại theo trình độ lao động		Số lượng (người)
4. Phòng kế hoạch – Vật tư	05			
5. Xí nghiệp ĐSTT	27	Đại học, trên đại học		13
+ VP Xí nghiệp	05	Trung cấp		05
+ Công nhân sản xuất	22	Phổ thông		34
Tổng cộng	52	Tổng cộng		52

*** Chính sách đối với người lao động.**

- Với tình hình khó khăn hiện nay, công ty vẫn luôn chăm lo, quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân.

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với tất cả CBCNV làm việc trong công ty. Đối với người lao động chính thức sẽ được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Công ty thực hiện nghiêm các chế độ, qui định của luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính.

4.1 Tình hình tài chính.

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% tăng, giảm so TH 2017
1	Tổng tài sản	67.850.115.466	36.049.706.975	53,13%
2	Vốn chủ sở hữu	(108.889.470.372)	(98.308.311.331)	90,28%
3	Doanh thu thuần	97.584.762.638	17.035.636.333	17,46%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(6.826.681.336)	(9.681.379.091)	(141,82)%
5	Lợi nhuận khác	1.499.725.687	20.510.621.914	1.367,63%

6	Lợi nhuận trước thuế	(5.326.955.649)	10.829.242.823	
7	Lợi nhuận sau thuế	(5.326.955.649)	10.581.159.041	
8	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(1.311)	2.603	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,146	0,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,131	0,25
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	373	260,49
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	-137	-162,31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,6	11
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	0,33	1,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	62,11	-5,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-10,76	4,89
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản ROA	%	29,35	-7,85
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-56,83	-7

Năm 2018, Công ty lại tiếp tục khó khăn trong tìm kiếm khách hàng đóng tàu nên tình hình tài chính của Công ty trong năm vẫn theo chiều hướng xấu do ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh của các năm trước làm Công ty mất khả năng thanh toán nợ gốc. Tuy nhiên, trong năm Công ty vẫn duy trì trả lãi vay ngân hàng. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn bất hợp lý tạo ra nhiều khó khăn cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1 Cổ phần.

- Tổng số cổ phần phát hành : 4.200.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 4.064.700 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 135.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu đang lưu hành : cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông (theo báo cáo danh sách chốt cổ đông đến ngày 22/3/2019).

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ Tổng số CP
Cổ đông trong nước	117	4.200.000	100%
Cổ đông nước ngoài	0	0	
Tổng cộng	117	4.200.000	100%
Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	4	3.043.767	72,47%
Cổ đông nhỏ	113	1.156.233	27,53%
Tổng cộng	117	4.200.000	100%
Cổ đông tổ chức	6	2.472.495	58%
Cổ đông cá nhân	111	1.727.505	42%
Tổng cộng	117	4.200.000	100%
Cổ đông nhà nước	1	1.947.000	46,36%
Các cổ đông khác	116	2.253.000	53,64%
Tổng cộng	117	4.200.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Năm 2018 của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhất là về lĩnh vực cơ khí đóng mới, sửa tàu thuyền. Tuy không đạt chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận do ĐHĐCĐ đề ra nhưng Công ty cũng đã đạt được một số kết quả nhất định nhờ vào sự cố gắng quyết tâm phấn đấu vượt khó của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

1.1 Đánh giá về sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

a) Sản xuất đóng mới và sửa chữa tàu thuyền:

- Hoạt động sản xuất đóng mới: Năm 2018, hoạt động này gần như dừng hẳn vì chương trình đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ được thay thế bằng Nghị định mới với các nội dung không phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, với tình hình tài chính như hiện nay, công ty không thể tham gia và chủ động đi đấu thầu với các đơn vị đóng tàu cùng ngành trong cả nước.

- Hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí và dịch vụ lên xuống triền: Năm 2018 chủ yếu thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch

vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ. Trong đó số lượng tàu vỏ nhôm – thép: 23 chiếc, tàu vỏ composite: 12 chiếc.

b) Kinh doanh cầu cảng, kho, bãi và dịch vụ:

b.1) Kinh doanh cho thuê kho, bãi và dịch vụ: Hoạt động trong năm vẫn ổn định, đạt gần 100% công suất, tương ứng 13.025 m² và doanh thu tăng so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân tăng: do trong năm Công ty đã cho thuê gần hết mặt bằng còn trống, điều chỉnh giá thuê mặt bằng kho, bãi và điều chỉnh tăng các phí dịch vụ điện, nước, ...

b.2) Kinh doanh dịch vụ cầu cảng: Cầu cảng vẫn được Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Toàn Cầu thuê, với mức giá thuê ổn định theo hợp đồng đã ký.

c) Tổng doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện năm 2018: **17,997 tỷ đồng** đạt 42 % kế hoạch, bằng 18% so với năm 2017.

Bao gồm:

c.1) Doanh thu đóng mới tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, lên triền: 6,73 tỷ đồng đạt 21% KH, bằng 7,7% so với năm 2017.

Nguyên nhân giảm mạnh so với năm 2017 do:

- Chương trình đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP được thay thế bằng nghị định mới với các nội dung không phù hợp với tình hình sản xuất và khả năng tài chính của Công ty, vì vậy năm 2018 Công ty không ký kết được các hợp đồng đóng mới.

- Tình hình đóng mới, sửa chữa tàu và sà lan hiện đang trong giai đoạn suy thoái và bị cạnh tranh mạnh của các đơn vị cùng ngành.

Trong thời gian vừa qua Công ty đã đẩy mạnh tiếp thị, tìm kiếm các khách hàng cũ truyền thống và mới về Công ty để sửa chữa tàu, gia công cơ khí, dịch vụ lên xuống triền nhưng vẫn rất ít hợp đồng.

c.2) Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho bãi và cho thuê cầu cảng: 10,305 tỷ đồng, đạt 104% KH và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng: Do các hợp đồng thuê kho, bãi, cầu cảng trong năm vẫn tiếp tục ổn định và đơn giá thuê kho được điều chỉnh tăng trong năm 2018.

c.3) Doanh thu hoạt động tài chính: 0,961 tỷ đồng, đạt 175% KH.

d) Tổng chi phí năm 2018 : **27,678 tỷ đồng**, bằng 55% so với KH và bằng 26% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân giảm tổng chi phí là do số lượng công trình đóng mới, sửa chữa trong năm giảm nhiều đồng thời Công ty chủ động tăng cường quản lý trong sản xuất để tiết kiệm vật tư, tăng năng suất lao động.

Trong đó:

- Chi phí giá vốn hàng bán (*đã bao gồm phần chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lâu năm, khó tiêu thụ*) là: 11,448 tỷ đồng, bằng 35% KH và bằng 14% so với năm 2017.

- Chi phí tài chính lãi vay : 7,178 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2017.
gồm: + CP trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT : 4,216 tỷ đồng,
+ CP trả lãi vay Ngân hàng Công thương CNI : 2,961 tỷ đồng.

e) Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

e.1 / Trường hợp tính chi phí lãi vay, lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: **lỗ 9,681 tỷ đồng** (lỗ nhiều hơn năm 2017: 2,854 tỷ đồng).

Nguyên nhân tăng lỗ:

- Do tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đủ bù đắp chi phí trả lãi vay ngân hàng (CP trả lãi vay chiếm gần 30% tổng CP), đây là khoản lãi vay tồn tại từ nhiều năm trước để lại.

- Trong năm Công ty chủ động trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lâu năm, khó tiêu thụ là 3,119 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng hàng hóa tồn kho lâu năm là để phản ánh trung thực tình hình giảm giá các loại hàng hóa, máy móc thiết bị vật tư tồn kho lâu năm của Công ty trên BCTC công ty và dự phòng bù đắp chi phí tồn thất có thể xảy ra trong các năm tài chính sau.

e.2/ Trường hợp không tính chi phí lãi vay, không tính chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thì lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty : **lãi 0,616 tỷ đồng**.

***** Trong năm 2018, Công ty có một số khoản thu nhập khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm nhưng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:**

f) Tổng các khoản thu nhập khác: 20.511.366.488 đồng, gồm:

f.1/ Thu nhập từ bán lô đất ở ấp Phước An, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do Ngân hàng phát mãi tài sản đảm bảo để cản trừ nợ vay: 4.343.078.019 đồng.

f.2/ Thu nhập từ chính sách giảm lãi (năm 2012 – 2018) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn áp dụng đối với Công ty: 15.812.528.781 đồng.

f.3/ Thu nhập khác từ thanh lý tài sản cố định, phế liệu và hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm đóng tàu năm 2017): 355.759.688 đồng.

Trong đó: hoàn thu nhập chi phí trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm tàu đóng mới cho ngư dân (tàu bàn giao cuối năm 2017) là: 348.474.461 đồng.

g) Lợi nhuận trước thuế (bao gồm các khoản thu nhập khác): 10,829 tỷ đồng, tăng rất nhiều so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước do có các khoản thu nhập khác trong năm.

h) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Năm 2018, công ty phải đóng bổ sung khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành do bán căn nhà nguyên là Trạm dịch vụ bảo hành Cà Mau của Công ty vào năm 2015: 248.083.782 đồng (theo yêu cầu từ Cục thuế TP.HCM về có hoạt động kinh doanh bất động sản).

i) Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế sau khi trừ thuế TNDN hiện hành là 10,581 tỷ đồng.

1.2. Về hoạt động tài chính: Ngoài hoạt động đảm bảo cân đối nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính từ các năm trước để lại.

Các tồn tại về tài chính nhất là công nợ khó đòi tuy đã được Công ty xử lý trích dự phòng nhưng vẫn làm ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty về sự mất cân đối nguồn vốn, khả năng thanh toán thấp,...

Công ty vẫn đang chỉ đạo các Phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho Cảng Biển Đông có liên quan đàm phán với khách hàng nợ, tìm biện pháp để thu hồi công nợ, nhằm tránh các thiệt hại cho Công ty.

Các khoản nợ phải trả, chủ yếu là nợ ngân hàng, Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam. Đây là các khoản nợ tồn tại từ các năm trước để lại.

1.3. Nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước: Trong năm Công ty đã nộp NSNN 4,683 tỷ đồng, trong đó:

- Nộp thuế đất : 2,773 tỷ đồng.

- Thuế GTGT : 1,662 tỷ đồng

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp về chuyển nhượng bất động sản Cà Mau, tồn tại từ năm 2012 đến nay: 0,248 tỷ đồng.

1.4. Về hàng hóa tồn kho chưa thanh lý đến ngày 31/12/2018: Do trong năm Công ty được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có chính sách hỗ trợ giảm chi phí trả lãi vay giai đoạn 2012-2018. Vì vậy, Công ty đã trích lập dự phòng và xử lý tồn thất thực tế của vật tư hàng hóa tồn kho lâu năm, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển, chất lượng ngày càng giảm, khó tiêu thụ. Việc trích lập dự phòng hàng hóa tồn kho lâu năm là để phản ánh trung thực tình hình giảm giá các loại hàng hóa, máy móc thiết bị vật tư tồn kho lâu năm của Công ty trên BCTC công ty và dự phòng bù đắp chi phí tồn thất có thể xảy ra trong các năm tài chính sau.

- Nguyên giá hàng hóa tồn kho đến 31/12/2018 : 3.709.824.277 đồng.

- Giá trị mức trích lập dự phòng hàng hóa tồn kho tại thời điểm 31/12/2018: 3.119.820.506 đồng.

1.5. Về công tác tổ chức cán bộ: Năm 2018, nhân sự Công ty có sự thay đổi và biến động, cụ thể: Từ tháng 4 đến tháng 7/2018, Công ty đã 02 lần thay đổi nhân sự quản lý là Tổng giám đốc.

1.6. Công tác điều hành của Ban giám đốc:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty vẫn phối hợp tương đối nhịp nhàng trong công việc.

- Tuyển dụng, bố trí sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo, phù hợp cho sản xuất.

- Tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy để quản lý hiệu quả hơn;

- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

- Tập trung triệt để kinh doanh khai thác mặt bằng, dịch vụ kho, bến, bãi sẵn có của Công ty nhằm góp phần gia tăng doanh thu của công ty.

Đánh giá chung: Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên tất cả các lĩnh vực đều gặp nhiều khó khăn nên các chỉ tiêu thực hiện đều ở mức thấp, không đạt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận do ĐHĐCĐ đề ra. Đặc biệt đối với lĩnh vực sản xuất trong ngành cơ khí đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, đây là những khó khăn chung trên toàn thị trường Ngành cơ khí đóng tàu. Mặc dù vậy Công ty vẫn tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu để duy trì công việc cho anh em công nhân. Tuy các hợp đồng sản xuất trong năm có doanh thu thấp hơn so với các năm trước nhưng hoạt động SXKD có hiệu quả do Công ty quản lý tốt chi phí sản xuất và thu hồi vốn, công nợ nhanh.

Đây là thành quả đáng khích lệ để tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty có động lực cố gắng phấn đấu vượt khó, hoàn thành kế hoạch trong năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính.

2.1 Tình hình tài sản.

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Năm 2018/2017 (%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	48.781.105.433	19.492.585.938	40%
Tiền & các khoản tương đương tiền	28.266.788.128	13.205.847.758	46,72%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	3.190.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.425.194.465	1.026.892.811	6,66%
Hàng tồn kho	4.591.520.879	1.942.505.838	42,31%
Tài sản ngắn hạn khác	497.601.961	127.339.531	25,6%
TÀI SẢN DÀI HẠN	19.069.010.033	16.557.121.037	86,83%
Các khoản phải thu dài hạn	13.730.000	9.000.000	65,55%
Tài sản cố định	13.706.554.225	11.522.890.599	84,07%
Tài sản dở dang dài hạn	-	20.136.433	
Đầu tư tài chính dài hạn	4.889.250.613	4.889.250.613	100%
Tài sản dài hạn khác	459.475.195	115.843.392	25,21%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	67.850.115.466	36.049.706.975	53,13%

- Tình hình tài sản năm 2018 của Công ty giảm gần một nửa so với năm 2016 (giảm 46,87%), phản ánh đúng với tình hình sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong lĩnh vực sản xuất nhất là ngành cơ khí đóng tàu. Việc phân bổ cơ cấu nguồn vốn cho Tài sản ngắn hạn và dài hạn phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Việc quản lý và trích khấu hao theo đúng qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2018 là 1,026 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2017, trong đó Công ty đã trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi từ các năm trước 119,487 tỷ đồng trên tổng số các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 101,585 tỷ đồng.

Các khoản nợ xấu này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sử dụng tài sản và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty do chịu ảnh hưởng của khoản nợ xấu phát sinh từ các năm trước. Hàng năm Công ty phải gánh chịu một khoản lãi vay lớn mà không có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể lãi vay phát sinh trong năm là 7,178 tỷ đồng.

Hàng hóa tồn kho đến ngày 31/12/2018: 5,062 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ chưa thanh lý tại thời điểm lập báo cáo là: 3,713 tỷ đồng (chiếm 73,35%).

Đây là hàng hóa tồn kho Công ty nhập về để lưu trong kho đã lâu (lưu kho từ ngày 11/5/2012), chủ yếu là phụ tùng, động cơ và máy phát điện.... Hiện thị trường rất khó tiêu thụ những loại máy móc này vì đã hết model sử dụng. Nếu Công ty bán nguyên lô, giá trị rất thấp và không có khách hàng chịu mua hết. Nếu bán lẻ, khách hàng sẽ lựa chọn một số máy móc phụ tùng còn sử dụng được, còn lại các loại khác sẽ không bán được. Vì vậy năm 2018 Công ty đã ước lượng định giá giá trị của hàng hóa tại thời điểm lập báo cáo 31/12/2018 để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền: 3,119 tỷ đồng

- Việc quản lý nợ phải thu theo đúng qui định quản lý nợ tại Nghị định 206/2013/NĐ- CP, trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC. Công ty theo dõi công nợ từng khách hàng, thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ, đối với công nợ luân chuyển bình thường, các khách hàng đều xác nhận nợ đầy đủ. Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi.

2.2 Tình hình nợ phải trả

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% TH2017/2018
NỢ PHẢI TRẢ	176.739.585.838	134.358.018.306	76,02%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>175.574.485.838</i>	<i>133.204.918.306</i>	<i>75,87%</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	25.565.635.592	4.509.531.958	17,64%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	370.916.222	1.021.771.149	275%
Thuế và các khoản phải nộp NN	580.056.078	130.435.394	22,5%
Phải trả người lao động	905.908.320	307.106.390	33,9%
Chi phí phải trả ngắn hạn	311.695.000	36.598.700	11,74%
Phải trả ngắn hạn khác	79.714.965.921	69.680.039.683	87,41%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.130.543.044	57.315.141.494	85,38%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	586.178.584	-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	408.587.077	204.293.538	50%
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.165.100.000</i>	<i>1.153.100.000</i>	<i>99%</i>
Phải trả dài hạn khác	1.165.100.000	1.153.100.000	99%
Vay và nợ dài hạn			
Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
VỐN CHỦ SỞ HỮU	(108.889.470.372)	(98.308.311.331)	(90,28)%
TỔNG NGUỒN VỐN	67.850.115.466	36.049.706.975	53,13%

Các khoản lỗ lũy kế của Công ty trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán đến ngày 31/12/2018 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: 98,308 tỷ đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 113,712 tỷ đồng. Hiện Công ty không có khả năng chi trả các khoản vay nợ, chủ yếu là nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đây là khoản vay nợ xấu phát sinh từ các năm trước đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

Công ty quản lý nợ phải trả theo từng đối tượng, đúng qui định, các đơn vị thực hiện đối chiếu sổ dư nợ cuối năm.

Như đã nhận xét tại phần tình hình tài sản, các khoản nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nguồn vốn của Công ty như sau: mất khả năng chi trả các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác; Vốn chủ sở hữu âm 98,308 tỷ đồng; Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: -1,37 lần làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

+ Nợ dài hạn: 1,153 tỷ đồng, chiếm 1%.

* Ảnh hưởng của tỷ giá đến hoạt động của Công ty:

Năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ liên quan đến tiền đồng Việt Nam nên kết quả kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tỷ giá.

* Ảnh hưởng của lãi suất đến hoạt động của Công ty:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 bị ảnh hưởng bởi trả lãi vay do phải gánh chịu các khoản chi phí lãi phát sinh lớn từ các năm trước để lại mà không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của năm báo cáo là 7,178 tỷ đồng, dẫn đến Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD của Công ty lỗ 9,681 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1 Về công tác tổ chức cán bộ:

- Về tổ chức: Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biên Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Về nhân sự: Năm 2018, nhân sự Công ty có nhiều sự thay đổi và biến động, cụ thể: Trong Quý 2/2018, thay đổi 2 lần chức danh Tổng giám đốc

3.2 Công tác điều hành của Ban giám đốc.

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biên Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, các bộ phận. Triển khai thực hiện Quy chế lương và phân phối thu nhập, Quy chế tài chính đã được HĐQT ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ....

- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

4. Kế hoạch phát triển Công ty trong tương lai.

- Phát triển Công ty trên cả 03 lĩnh vực là: cơ khí đóng tàu, kinh doanh dịch vụ cầu cảng, kinh doanh mặt bằng, kho hàng, bến bãi. Trong đó trọng tâm là cơ khí đóng tàu, mở rộng mặt hàng sản xuất; củng cố sắp xếp bố trí kho bãi, mặt bằng, cầu cảng hợp lý để tăng cường kinh doanh khai thác tăng doanh thu, việc làm và hiệu quả, đạt kế hoạch đề ra mức cao nhất. Tăng cường hợp tác mọi mặt đưa Công ty phát triển bền vững.

- Chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế, quản trị rủi ro và bảo toàn vốn đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách của Pháp luật hiện hành.

- Bổ sung và hoàn thiện bộ máy lãnh đạo các đơn vị, phòng ban; ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban điều hành.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức và tổ chức sản xuất Xưởng đóng tàu trên nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả.
- Bố trí hợp lý lực lượng lao động, sử dụng Quỹ tiền lương một cách hợp lý để thu hút lao động có trình độ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.
- Luôn luôn giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, tiến độ sản xuất, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả bạn hàng.
- Tạo điều kiện để người lao động, người có cổ phần trong Công ty được làm chủ Công ty thực sự, thúc đẩy hình thành phương thức quản lý tiên tiến tạo thêm động lực thúc đẩy Công ty làm ăn có hiệu quả, tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập cho người lao động cũng như hài hòa lợi ích cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- Tận dụng và khai thác tiềm năng của Công ty, khai thác sử dụng mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, không ngừng nâng cao hiệu quả lấy hiệu quả kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm.
- Thực hiện quy chế dân chủ, chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

5.1 Dự báo về thị trường.

a. Các chỉ tiêu phân đầu.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính Công ty của năm 2018 và dự báo thị trường trong thời gian sắp tới Công ty sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực gia công cơ khí, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền. Công ty đã chủ động xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, như sau:

b. Xác định mục tiêu kế hoạch

- Cơ khí đóng sửa tàu thuyền: Khả năng đấu thầu cạnh tranh để tham gia đóng tàu giữa các đơn vị cùng Ngành là không thể; vì vậy năm 2019, Công ty tiếp tục đẩy mạnh khâu tiếp thị và tìm kiếm khách hàng lên đà sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.

- Tiếp tục lập hồ sơ công nhận cơ sở đủ điều kiện sửa chữa, đóng mới tàu biển loại nhỏ.

- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho, bãi, cầu cảng: Trong năm 2018, Công ty đã khai thác tối đa công suất cho thuê mặt bằng, kho, bãi, cầu cảng. Năm 2019, tiếp tục duy trì những khách hàng đã và đang thuê đồng thời Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh tốt hơn để bù đắp doanh thu và cố gắng tận dụng mặt bằng hiện có để tăng diện tích mặt bằng nhà kho cho thuê.

5.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	SẢN XUẤT			
1	Đóng mới tàu thuyền	Chiếc	1	
	- Tàu vỏ thép	Chiếc	1	
	- Tàu vỏ composite	Chiếc	-	
II	TỔNG DOANH THU	Tỷ đồng	18,570	
1	Doanh thu sản xuất: đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triền, ...	Tỷ đồng	6,800	
2	Doanh thu kinh doanh dịch vụ	Tỷ đồng	11,000	
	<i>Gồm: - DT thuê cầu cảng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,440</i>	
	<i>- DT thuê kho, bãi</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>9,560</i>	
3	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác (từ thanh lý, phế liệu ...)	Tỷ đồng	0,770	
III	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	23,990	
1	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	16,180	
2	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	0,950	
3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,420	
4	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,020	
5	Chi phí tài chính (lãi vay)	Tỷ đồng	6,420	
III	Lợi nhuận trước thuế (trường hợp tính bao gồm chi phí tài chính)	Tỷ đồng	Lỗ 5,420	
IV	Lợi nhuận trước thuế (trường hợp tính không bao gồm chi phí tài chính)	Tỷ đồng	Lãi 1,000	
V	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	930,750	

* Các chỉ tiêu khác:

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cấp phát đầy

đủ bảo hộ lao động, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, làm thất thoát tài sản, xây dựng nếp sống văn minh lịch thiệp, không có người vi phạm kỷ luật.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hưu trí, ốm đau, thai sản cho người lao động, giữ gìn cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp, duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ CNVC toàn Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý tài chính về công nợ, hàng tồn kho, quản trị rủi ro đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

- Thực hiện và triển khai sản xuất theo chỉ đạo của HĐQT.

5.3 Các giải pháp thực hiện:

- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thế mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.

- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.

- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.

- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2018 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trên tất cả các mặt, về sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự. Nhưng bằng sự quyết tâm và nỗ lực phấn đấu, Công ty cũng đã đạt được một số kết quả như đã trình bày ở trên.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Công ty chưa đạt hiệu quả về chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua, nhưng so với các năm trước, Công ty đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Đây là

thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

2.1 Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Về tổ chức sản xuất kinh doanh: Tổng giám đốc đã điều hành tốt các hoạt động SXKD của Công ty trong 2 lĩnh vực là cơ khí đóng, sửa tàu thuyền và kinh doanh kho bãi, dịch vụ cầu cảng. Mặc dù trong năm ngành cơ khí đóng sửa tàu thuyền của Công ty nói riêng và cả nước nói chung là rất khó khăn. Duy trì tốt và hiệu quả việc kinh doanh kho bãi. Tận dụng tốt cơ sở mặt bằng, khai thác triệt để diện tích sử dụng đất cho thuê để gia tăng doanh số, bù đắp các khoản lỗ từ sản xuất. Việc sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 nhìn chung vẫn đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng, sản lượng và hiệu quả nếu không tính đến chi phí trả lãi vay trong năm (đây là chi phí ngoại trừ vì không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty).

2.2 Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh:

Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh: Sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh, không để tài sản hư hỏng, thất thoát hoặc không được khai thác sử dụng. Tổ chức thanh lý các tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kinh doanh. Chủ động tìm kiếm nguồn vốn lưu động không để sản xuất bị đình trệ vì thiếu vốn.

Thực hiện đúng các cam kết của Công ty với các ngân hàng về thanh toán các khoản nợ xấu.

2.3 Về công tác tổ chức cán bộ: Mặc dù có sự thay đổi liên tục về Người quản lý, chức danh Tổng giám đốc nhưng hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo tính ổn định và liên tục. Trong năm Ban điều hành Công ty đã chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2018 là: 5,476 tỷ đồng, bằng 84% KH và bằng 68% so với thực hiện năm 2017. Thu nhập bình quân người lao động đạt: 7.500.000 đồng/người/tháng.

2.4 Về thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT theo đúng nghĩa vụ và quyền hạn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo định kỳ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành Công ty tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm phục vụ cho hoạt động của công ty mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất, xử lý các tồn đọng về tài chính, phấn đấu đạt kế hoạch năm 2019.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để phòng ngừa các rủi ro cho doanh nghiệp, đặc biệt là các rủi ro trong kinh doanh đóng tàu cho ngư dân.

- Phối hợp cùng với Ban Tổng giám đốc nghiên cứu và đề xuất Ngân hàng phương án trả nợ, cụ thể giảm lãi suất vay để giảm chi phí trả nợ vay ngân hàng.

- Tiếp tục rà soát và xây dựng các phương hướng sử dụng một cách có hiệu quả các tài sản của Công ty, xử lý hiệu quả các tài sản mà Công ty không có nhu cầu sử dụng.

- Phát huy và làm tốt hơn công tác thị trường đóng tàu cá cho ngư dân, tận dụng các cơ hội đóng tàu cho ngư dân đang có nhu cầu lớn.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thu hồi công nợ kiên quyết hơn đối với các khách hàng có khả năng thu hồi.

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT).

1.1 Cơ cấu Hội đồng quản trị.

Ngay sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 diễn ra ngày 20/4/2018, từ phiên họp HĐQT đầu tiên đến ngày 31/12/2018, cơ cấu HĐQT Công ty thay đổi như sau:

Họ và tên	Chức vụ
1. Ông Mai Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT – Đại diện phần vốn của TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP
2. Ông Thái Bá Nam	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP (ngày 16/10/2018 đã có đơn xin từ nhiệm không là TV HĐQT Công ty kể từ ngày 17/10/2018)
3. Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP
4. Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,39%
5. Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ : 1,24%

1.2 Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Năm 2018, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng qui định của Điều lệ Công ty và ban hành các Nghị quyết của HĐQT nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và giải quyết một số vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

* Các cuộc họp và biên bản họp của HĐQT trong năm 2018:

- Cuộc họp 1: Biên bản số 18/BB-HĐQT-CNTS, ngày 26/01/2018 về việc báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch 2018, BCTC 2017, quy chế phân phối thu nhập tiền lương của Công ty ...;

- Cuộc họp 2: Biên bản họp số 26/BB-HĐQT-CNTS, ngày 31/01/2018 về việc mức lương người quản lý;

- Cuộc họp 3: Biên bản số 40/BB-HĐQT-CNTS, ngày 27/2/2018 về việc thống nhất ngày cuối cùng chốt DSCĐ có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ 2018;

- Cuộc họp 4: Biên bản số 111/BB-HĐQT-CNTS, ngày 28/3/2018 về việc thông qua nội dung chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

- Cuộc họp 5: Biên bản số 134/BB-HĐQT-CNTS, ngày 20/4/2018 về việc bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ (2018-2023), miễn nhiệm, bổ nhiệm TGD ...

- Cuộc họp 6: Biên bản số 159/BB-HĐQT-CNTS, ngày 21/5/2018 về việc Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính Quý 1 năm 2018, phân công công việc HĐQT, triển khai Nghị quyết đại hội ...

- Cuộc họp 7: Biên bản số 188/BB-HĐQT-CNTS, ngày 09/7/2018 về việc miễn nhiệm chức danh TGD đối với ông Đỗ Trung Chuyên – TVHĐQT, bổ

nhiệm ông Trương Tùng Hưng – TVHĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty;

- Cuộc họp 8: Biên bản số 218/BB-HĐQT-CNTS, ngày 06/8/2018 về việc báo cáo kết quả SXKD 6 tháng năm 2018, BCTS Quý 2/2018...;

- Cuộc họp 9: Biên bản số 254/BB-HĐQT-CNTS, ngày 08/11/2018 về việc báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng 2018, báo cáo tài chính 9T/2018, thông báo đơn từ nhiệm của ông Thái Bá Nam - TVHĐQT và triển khai một số công việc cuối năm;

- Cuộc họp 10: Biên bản số 282/BB-CNTS-HĐQT ngày 25/12/2018 về việc kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT về Tờ trình số 278/TTr-CNTS-TCHC ngày 19/12/2018 của Tổng giám đốc.

*** Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT năm 2018.**

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	19/NQ-HĐQT-CNTS	29/01/2018	Nghị quyết thông qua Quy chế phân phối tiền lương và thu nhập đối với NQL, NLĐ và hệ thống thang bảng lương; ghi nhận báo cáo SXKD 2017, kế hoạch 2018 ...
2	20/QĐ-HĐQT-CNTS	29/01/2018	Quyết định ban hành Quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập đối với NNQL, NLĐ và hệ thống thang bảng lương.
3	27/NQ-HĐQT-CNTS	31/01/2018	Nghị quyết thông qua mức lương người quản lý công ty năm 2018.
4	28/QĐ-HĐQT-CNTS	31/1/2018	Quyết định điều chỉnh mức lương NQL
5	33/QĐ-HĐQT-CNTS	06/02/2018	Quyết định điều chỉnh mức lương chức danh Tổng giám đốc
6	34/QĐ-HĐQT-CNTS	06/02/2018	Quyết định điều chỉnh mức lương chức danh Phó Tổng giám đốc
7	35/QĐ-HĐQT-CNTS	06/02/2018	Quyết định điều chỉnh mức lương chức danh Kế toán trưởng
8	41NQ-HĐQT-CNTS	27/02/2018	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ 2018.
9	112/NQ-HĐQT-CNTS	28/3/2018	Nghị quyết thông qua nội dung và chương trình tổ chức ĐHĐCĐ 2018
10	135/NQ-HĐQT-CNTS	20/4/2018	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đ/v ông Mai Xuân Phong

			và bổ nhiệm ông Đỗ Trung Chuyên – TV HĐQT, chức danh TGD.
11	136/QĐ-HĐQT-CNTS	20/4/2018	Quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đ/v ông Mai Xuân Phong
12	137/QĐ-HĐQT-CNTS	20/4/2018	Quyết định bổ nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty đối với ông Mai Xuân Phong
13	138/QĐ-HĐQT-CNTS	20/4/2018	Quyết định bổ nhiệm chức danh TGD đ/v ông Đỗ Trung Chuyên
14	140/QĐ-HĐQT-CNTS	20/4/2018	Quyết định thay đổi người đại diện pháp luật
15	160/NQ-HĐQT-CNTS	21/5/2018	Nghị quyết phiên họp ngày 21/5/2018 v/v thông qua kết quả SXKD, BCTC Quý I/2018, phân công nhiệm vụ HĐQT...
16	161/QĐ-HĐQT-CNTS	21/5/2018	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
17	189/NQ-HĐQT-CNTS	09/7/2018	Nghị quyết về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc
18	190/QĐ-HĐQT-CNTS	09/7/2018	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh TGD đối với ông Đỗ Trung Chuyên kể từ ngày 15/7/2018
19	191/QĐ-HĐQT-CNTS	09/7/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh TGD đối với ông Trương Tùng Hưng – TVHĐQT, kể từ ngày 15/7/2018
20	193/QĐ-HĐQT-CNTS	09/7/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện pháp luật Công ty
21	219/NQ-HĐQT-CNTS	06/8/2018	Nghị quyết phiên họp ngày 06/8/2018 v/v thông qua kết quả SXKD, BCTC Quý II/2018 ...
22	255/NQ-HĐQT-CNTS	09/11/2018	Nghị quyết phiên họp ngày 08/11/2018 v/v thông qua kết quả SXKD, BCTC 9 tháng /2018, thông qua đơn từ nhiệm của ông Thái Bá Nam – TVHĐQT kể từ ngày 17/10/2018
23	283/NQ-HĐQT-CNTS	25/12/2018	Nghị quyết thống nhất thông qua Tờ trình số 278/TTr-HĐQT-TCHC ngày 19/12/2018 của Tổng giám đốc.

*** Số lần tham dự họp của các thành viên HĐQT.**

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham gia
1. Ông Mai Xuân Phong	Chủ Tịch	10/10	100	

2. Ông Trương Tùng Hưng	TV HĐQT kiêm TGD	10/10	100	
3. Ông Đỗ Trung Chuyên	TV HĐQT	9/10	90	Bận công tác
4. Ông Nguyễn Bảy	TV HĐQT	02/10	20	Không tham gia HĐQT kể từ khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, không là TV HĐQT.
5. Ông Nguyễn Tấn Dũng	TV HĐQT	08/10	80	không tham gia vì chưa tham gia HĐQT Công ty
6. Ông Thái Bá Nam	TV HĐQT	7/10	70	không tham gia vì có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT

1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động SEAMECO, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của SEAMECO.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát.

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ
Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng BKS	Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP
Bà Trương Quỳnh Giao	Thành viên BKS	0%
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	0%

2.2 Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2018.

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, các Nghị quyết của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: Các công trình đóng & sửa chữa tàu, hoạt động khai thác dịch vụ cầu cảng & cho thuê kho bãi, chi phí lương, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Trong năm 2018, BKS đã có 4 kỳ làm việc trực tiếp để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2018, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2018;

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

3.1.1 Tiền thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm.

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm (đồng)
1	Ô.Mai Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT từ T.5 đến T.12/2018		52.000.000
			5.000.000	40.000.000
		Thành viên HĐQT từ T.1 đến T.4/2018	3.000.000	12.000.000
2	Ô.Thái Bá Nam	Thành viên HĐQT từ T.5 đến T.9/2018		35.000.000
			3.000.000	15.000.000
		Chủ tịch HĐQT từ T.1 đến T.4/2018	5.000.000	20.000.000
3	Ô. Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT từ T.5 đến T.12//2018	3.000.000	24.000.000
4	Ô. Nguyễn Bảy	Thành viên HĐQT từ T.1 đến T.4/2018	3.000.000	12.000.000
5	Ô.Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
6	Ô. Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
	Tổng cộng			195.000.000

Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn.

3.1.2 Thù lao của Ban kiểm soát trong năm.

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm
1	Nguyễn Thành Trung	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000
2	Trương Quỳnh Giao	Thành viên	2.000.000	24.000.000
3	Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng			84.000.000

Trong năm không phát sinh thêm chi phí nào khác phục vụ cho hoạt động của Ban Kiểm Soát.

3.1.3 Lương, thưởng của Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng).

T T	Họ tên	Chức vụ	Lương/đồng năm	Thù lao/ năm	Tổng cộng (đồng)
1	Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc (4 th)	73.782.000		73.782.000
2	Đỗ Trung Chuyên	Tổng giám đốc (2,5 th)	43.225.818		43.225.818
3	Trương Tùng Hưng	Phó TGD cũ và Tổng Giám đốc mới (5,5 th)	228.342.364		228.342.364
4	Hoàng Thị Tú	Kế toán trưởng	190.988.000		190.988.000
	Tổng cộng		536.338.182		536.338.182

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty luôn tuân thủ các qui định về quản trị công ty dựa trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

1. Như trình bày tại Thuyết minh 4.8, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 4.045.500.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2018 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2018 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 98.308.311.331 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 113.712.332.368 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán:

Đính kèm báo cáo tài chính được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên RSM quốc tế kiểm toán lập ngày 19/3/2018 và được đăng tải trên website Công ty: www.seameco.com.vn.

3. Giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của Công ty kiểm toán.

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung.

Trong Báo cáo kiểm toán số số 25/BCKT/2019-RSMMT ngày 19/3/2018 về Báo cáo tài chính năm 2018 có đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ một số nội dung sau:

1. Như trình bày tại mục (*) Thuyết minh 4.8, Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 4.045.500.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân theo Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị.

Giải trình của Công ty:

Nguồn gốc giá trị quyền sử dụng đất nêu là do Công ty thu hồi nợ của Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long (bao gồm 25 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại thời điểm đó, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều mang tên cá nhân và việc chuyển sở hữu sang tên Công ty gặp nhiều khó khăn. Do đó, Công ty đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Tân và Ông Trần Văn Khuynh đứng tên theo Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị. Sau khi thu hồi công ty đã thế chấp 17 thửa cho ngân hàng Vietin Bank, Hiện nay ngân hàng đang phát mãi để thanh toán nợ. Các thửa còn lại sẽ chuyển quyền sở hữu sang cho Công ty.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2018 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2018 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung

Giải trình của Công ty:

Các khoản đầu tư vào các các đơn vị khác hầu như không có hiệu quả, Công ty đã trích lập dự phòng hơn 60% khoản đầu tư trên. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2018 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Mặt khác một số đơn vị đã ngưng hoạt động hoặc đã bỏ trốn tại địa phương đăng ký kinh doanh. Do đó, Công ty không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

3. Ý kiến của kiểm toán về vấn đề cần nhấn mạnh: “Tại thuyết minh số 2.5 trong báo cáo tài chính về khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: 98,308 tỷ đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 113,712 tỷ đồng”.

Giải trình của Công ty:

Đây là những khoản nợ vay tài chính tồn tại từ nhiều năm trước làm Công ty mất khả năng thanh toán và làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hoạt động liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nhờ vào nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

Công văn giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty đã được đăng tải trên website Công ty: www.seameco.com.vn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019 *uu*
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Tùng Hưng